

VẤN ĐỀ HIỆN THỰC HOÁ DỰ ÁN HỢP TÁC PHÁT TRIỂN "Hai hành lang một vành đai kinh tế" Việt Nam - Trung Quốc

TS. NGUYỄN TRẦN QUẾ

Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

Bài viết phân tích ba vấn đề nhằm thực hiện tốt dự án Việt - Trung "Hai hành lang, một vành đai kinh tế": (a) Cơ sở tính khả thi của dự án, được hình thành bởi các yếu tố: quan hệ Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển, cam kết chính trị của hai nước ngày càng cao về quyết tâm đưa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc lên một tầm cao mới, tiềm lực kinh tế của Trung Quốc và Việt Nam ngày càng lớn, đủ sức phát triển kinh tế ở Vịnh Bắc Bộ và Biển Đông. (b) Triển vọng tác động của dự án: mở rộng hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc và Trung Quốc - ASEAN, đáp ứng nhu cầu phát triển và lợi ích của Trung Quốc - Việt Nam, tạo điều kiện để mở rộng ra vành đai kinh tế Biển Đông. (c) Một số biện pháp hiện thực hoá dự án.

I. CƠ SỞ TÍNH KHẢ THI CỦA DỰ ÁN

1. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển

Kể từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991 đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Trung phát triển nhanh chóng và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Đến nay, hai nước đã ký 49 hiệp định và 25 các văn kiện khác ở cấp nhà nước, đặt cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác lâu dài giữa hai nước. Hai bên đã khai thông đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu hàng hoá và hành khách giữa hai nước. Trao đổi đoàn ở trung ương và địa phương ngày càng tăng, hàng năm hai bên trao đổi trên 100 đoàn ở cấp lãnh đạo các bộ, ngành

và địa phương, đoàn thể quần chúng, góp phần tăng cường hiểu biết và mở rộng hợp tác giữa hai nước.

Trong chuyến thăm Trung Quốc của nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu 02/1999, lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định phương châm 16 chữ phát triển quan hệ hai nước trong thế kỷ XXI là “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”. Trong dịp Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Trung Quốc tháng 12-2000, hai bên đã ký Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới, cụ thể hoá phương châm 16 chữ đó thành những biện pháp cụ thể phát triển quan hệ hai nước trên tất cả các lĩnh vực. Hai bên cũng nhất trí xây dựng quan hệ hai nước theo tinh thần 4 tốt “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”.

Quan hệ hợp tác giữa các ngành quan trọng như ngoại giao, quốc phòng, an ninh của hai nước được tăng cường thêm một bước với việc ký các thoả thuận hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao (12-2002), hai Bộ Công an (9-2003), hai Bộ Quốc phòng (10-2003). Việc giao lưu giữa thế hệ trẻ hai nước được tổ chức thường xuyên với nội dung phong phú, thiết thực.

Trong chuyến thăm Việt Nam tháng 10 - 2005, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã cùng Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tới dự và phát biểu tại cuộc giao lưu thanh niên Việt - Trung lần thứ 6 tổ chức tại Hà Nội. Một số hội thảo lý luận về kinh nghiệm phát triển đất nước, xây

dựng CNXH, xây dựng Đảng được hai bên coi trọng và tổ chức đều đặn.

Về vấn đề biên giới lãnh thổ, sau khi bình thường hoá quan hệ, năm 1993, hai bên đã ký Thoả thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ và các cuộc đàm phán về 3 vấn đề biên giới trên đất liền, phân định Vịnh Bắc Bộ và vấn đề trên biển (Biển Đông) chính thức bắt đầu.

Ngày 30-12-1999, hai bên ký Hiệp ước biên giới trên đất liền. Hiện nay, hai bên đang tích cực triển khai công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới hướng tới mục tiêu vào năm 2008 hoàn thành toàn bộ công tác phân giới cắm mốc trên đất liền và ký văn kiện mới về quy chế quản lý biên giới.

Ngày 25-12-2000, hai bên ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ. Sau 3 năm đàm phán, Nghị định thư bổ sung Hiệp định Hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ đã được ký kết ngày 29-4-2004, hai Hiệp định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ bắt đầu hiệu lực từ ngày 30-6-2004 và đang được hai bên tích cực triển khai thực hiện (đã triển khai điều tra liên hợp nguồn lợi thuỷ sản trong Vùng đánh cá chung ở Vịnh Bắc Bộ). Hai bên cũng đã nhất trí tiến hành tuần tra chung của hải quân hai nước ở Vịnh Bắc Bộ và đã khởi động đàm phán phân định khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ.

Đối với vấn đề Biển Đông, hai bên nhất trí kiên trì thông qua đàm phán hòa bình để tìm kiếm giải pháp cơ bản lâu dài mà hai bên đều có thể chấp nhận được, đồng thời cùng nhau giữ gìn ổn định ở Biển Đông. Đến nay, hai bên đã tiến hành 10 vòng đàm phán cấp chuyên viên về vấn đề trên biển, tăng thêm hiểu biết về lập trường của nhau. Giữa ASEAN và Trung Quốc cũng đã ký Tuyên bố về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC), hiện đang trong quá trình trao đổi để đi vào triển khai, tiến tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC). Ngày 14 - 3 - 2005, ba công ty dầu khí của ba nước Việt Nam (PetroVietnam), Trung Quốc (CNOOC), Phi-lip-pin (PNOC) đã ký Thỏa thuận về khảo sát địa chấn chung trong một khu vực tranh chấp trên Biển Đông và đã bắt đầu triển khai khảo sát.

Quan hệ kinh tế thương mại có bước đột phá. Hiện nay Trung Quốc đã trở thành bạn hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam. Năm 2005, kim ngạch mậu dịch song phương đạt 8.739 tỷ USD (xuất 2,96 tỷ USD; nhập 5,77 tỷ USD). Hai bên nhất trí nỗ lực hoàn thành trước thời hạn mục tiêu nâng kim ngạch song phương lên 10 tỷ USD vào năm 2010 và mục tiêu này đã được hoàn thành vào năm 2006.

Dầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam tiếp tục tăng. Phía Trung Quốc khẳng định mong muốn hợp tác với Việt Nam trong các dự án lớn, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, năng lượng,

điện tử, giao thông v.v... Tính đến giữa năm 2006, tổng vốn đầu tư đăng ký vào Việt Nam là 7.999 triệu USD với 357 dự án, đứng thứ 15 trong các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Trong chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào, hai bên đã ký được 14 Hiệp định và Thỏa thuận về hợp tác (đạt kỷ lục về số lượng, tổng vốn đầu tư hơn 1,2 tỷ USD, quy mô dự án khá lớn trong các lĩnh vực giao thông, điện năng). Đáng chú ý có Hiệp định khung về việc Trung Quốc cấp khoản tín dụng ưu đãi 550 triệu NDT cho dự án hiện đại hoá thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Vinh - thành phố Hồ Chí Minh; Thỏa thuận về hợp tác dầu khí trong khu vực thỏa thuận trong Vịnh Bắc Bộ; trong số 4 dự án về điện năng, đáng chú ý là Hợp đồng về việc Trung Quốc tham gia xây dựng một số nhà máy điện và bán điện cho 6 tỉnh miền Bắc Việt Nam.

Trong những năm qua, quan hệ trao đổi hợp tác giữa Việt Nam với Trung Quốc trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hoá - thể thao được đẩy mạnh. Hàng năm, Trung Quốc tiếp nhận một số lượng đáng kể các học sinh, thực tập sinh và các đoàn thể thao của Việt Nam sang nghiên cứu, học tập và tập huấn tại Trung Quốc, đồng thời cử nhiều cán bộ, huấn luyện viên sang giúp Việt Nam trong công tác huấn luyện các môn thể thao. Hai bên trao đổi các đoàn biểu diễn nghệ thuật, tổ chức nhiều cuộc giao lưu văn hoá, thể thao, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Các địa phương của hai bên cũng tăng cường quan hệ hợp tác trực tiếp với nhiều hình thức đa dạng và thiết thực (trao đổi đoàn khảo sát, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, ký kết các văn bản hợp tác, cùng nhau tổ chức hội thảo, triển lãm...), góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là giữa hai tỉnh Vân Nam, Quảng Tây của Trung Quốc và các tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam. Tiềm năng phát triển của quan hệ Việt - Trung là rất lớn, với sự cố gắng chung của cả hai bên, mối quan hệ đó sẽ không ngừng được củng cố và phát triển tốt đẹp hơn trong thế kỷ XXI, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước, vì hoà bình, ổn định và phát triển ở khu vực châu Á và trên thế giới.

2. Cam kết chính trị của hai nước ngày càng cao về quyết tâm đưa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc lên tầm cao mới

Các cuộc gặp gỡ giữa lãnh đạo cấp cao hai nước được duy trì đều đặn hàng năm qua các chuyến thăm song phương, tăng cường sự tin cậy lẫn nhau giữa hai nước. Trong năm 2005, đã diễn ra các sự kiện quan trọng trong quan hệ hai nước. Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Trung Quốc tháng 7 - 2005, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào thăm Việt Nam tháng 11 - 2005 và cuộc gặp song phương giữa Thủ tướng Phan Văn Khải và Thủ tướng Ôn Gia Bảo bên lề Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng lần thứ 2 tại Côn Minh (7

- 2005), đánh dấu bước phát triển mới của quan hệ hai nước, sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau được nâng lên một bước. Hai bên đạt được nhận thức chung trên nhiều vấn đề liên quan đến quốc tế và khu vực. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào khẳng định hết sức coi trọng quan hệ Việt - Trung, nêu 5 kinh nghiệm để quan hệ giữa hai Đảng, hai nước phát triển ổn định, lành mạnh và thuận lợi, đó là tôn trọng lẫn nhau, hiểu biết lẫn nhau, ủng hộ lẫn nhau, tin cậy lẫn nhau và hợp tác cùng nhau.

Chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (từ 22 đến 26 - 8 - 2006) của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đầu tháng 11-2006 được xem như mốc son mới của tình hữu nghị Việt - Trung, là điểm sáng cho quan hệ Việt - Trung vượt qua những thử thách, khẳng định niềm tin cho quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước không ngừng được mở rộng, hướng tới những triển vọng phát triển tốt đẹp trong tương lai.

Các chuyến thăm đã đạt kết quả rất tốt đẹp, góp phần quan trọng đưa quan hệ hai Đảng, hai nước lên tầm cao mới. Điều đó được thể hiện rõ rệt qua một số điểm sau:

Một là, lãnh đạo cấp cao hai nước khẳng định quyết tâm chính trị rất cao củng cố và phát triển quan hệ hợp tác toàn diện theo phương châm 16 chữ

“láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” và tinh thần bốn tốt “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”, coi quan hệ hữu nghị Việt - Trung là tài sản quý báu chung của nhân dân hai nước, cần cùng nhau ra sức giữ gìn và phát huy. Với tinh thần đó, hai bên khẳng định sẽ làm hết sức mình để đưa quan hệ đó ngày càng sâu sắc hơn, tin cậy hơn, cùng ủng hộ lẫn nhau trong sự nghiệp đổi mới, cải cách mở cửa và xây dựng CNXH ở mỗi nước, vì hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Hai là, trên cơ sở tin cậy lẫn nhau với tầm nhìn và tư tưởng cùng hợp tác, cùng phát triển và cùng phồn thịnh, hai bên nhất trí hợp tác mạnh mẽ hơn nữa về kinh tế, thương mại, đầu tư, trong các lĩnh vực như khai thác và chế biến khoáng sản, điện, lọc dầu, cơ khí luyện kim và xây dựng cơ sở hạ tầng... Lãnh đạo Trung Quốc khẳng định sẽ khuyến khích các công ty lớn, có uy tín của Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam để bảo đảm hiệu quả đầu tư và tìm các biện pháp góp phần giảm nhập siêu của Việt Nam trong thương mại hai bên.

Tháng 5 - 2004, trong chuyến thăm Trung Quốc, Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải đã đưa ý tưởng xây dựng “Hai hành lang, một vành đai”, đó là hai hành lang kinh tế “Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng”, hành lang “Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng” và một “Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ”, điều này được phía Trung Quốc tích cực

hưởng ứng. Tháng 10 - 2004, khi Thủ tướng Ôn Gia Bảo thăm Việt Nam, lãnh đạo hai nước đã đạt được nhận thức chung, đồng ý thành lập tổ chuyên gia trong khuôn khổ Ủy ban hợp tác kinh tế mật dịch chính phủ hai nước, nghiên cứu vấn đề xây dựng “Hai hành lang, một vành đai”. Từ đó việc xây dựng “Hai hành lang, một vành đai” đã được nâng lên thành “chiến lược hợp tác quốc tế Trung - Việt”. Hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” đã bao trùm lên cả khu vực Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam của Trung Quốc và khu vực miền Bắc của Việt Nam. Mô hình hợp tác này là sự chọn lựa chiến lược của hai nước nhằm ứng phó với tiến trình toàn cầu hoá kinh tế và nhất thể hoá khu vực. Mục tiêu của nó là lợi dụng sự gần gũi về địa lý, văn hoá, sự bổ sung lẫn nhau về tài nguyên giữa hai nước để thực hiện mục tiêu cùng thắng.

Xây dựng “Hai hành lang, một vành đai” vừa là nội dung chủ yếu của hợp tác Trung- Việt, vừa là yếu tố quan trọng xây dựng khu vực mật dịch tự do Trung Quốc - ASEAN và hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông. Chính vì vậy, hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” không chỉ có lợi cho việc thúc đẩy hợp tác Trung-Việt, mà còn trở thành mắt xích và cầu nối quan trọng thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Trung Quốc với các nước ASEAN, là sáng tạo mới về sự phân công và hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hoá và nhất thể hoá khu vực, có viễn cảnh rộng mở và tiềm lực to lớn.

Hợp tác “hai hành lang, một vành đai” được tiến hành trong khuôn khổ hợp tác tổng thể giữa hai nước Trung - Việt, nhưng không phải sự hợp tác độc lập mà là sự hợp tác mở cửa trong cơ chế hợp tác khu vực “10+1”, “10+3” và hợp tác khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) và khuôn khổ WTO, là sản phẩm của kinh tế toàn cầu hoá và nhất thể hoá khu vực.

Trong cuộc gặp giữa Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng Ôn Gia Bảo trong khuôn khổ hoạt động nhân dịp kỷ niệm 15 năm thiết lập quan hệ đối thoại Trung Quốc - ASEAN tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc tháng 11 năm 2006, lãnh đạo hai bên đã đi sâu trao đổi các vấn đề liên quan, thống nhất tiếp tục thúc đẩy hợp tác “Hai hành lang, một vành đai”.

Trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào gần đây, hai bên đã ký thỏa thuận về hợp tác xây dựng hai hành lang một vành đai kinh tế.

3. Vị trí địa lý đặc đạo, rất thuận lợi cho việc xây dựng hai hành lang một vành đai kinh tế

Do phía Bắc Việt Nam giáp với Trung Quốc, cho nên cả một vùng rộng lớn phía Tây và phía Nam của Việt Nam, trong đó bao gồm các nước như Mianma, Lào, Campuchia, Malaisia, Thái Lan và Xingapo, đều coi Việt Nam là tiền duyên gắn kết với Trung Quốc. Do vậy, Việt Nam có vai trò như một “lô cốt đầu cầu” trong quan hệ của các nước Đông

Nam Á với Trung Quốc. Nói về lợi ích kinh tế, trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN, Việt Nam là nước có thể có được lợi ích đầu tiên, bất kể là thực hiện sản xuất trong nước, hay mậu dịch chuyển khẩu đều có lợi cho Việt Nam. Việt Nam dựa vào Trung Quốc, xem ra quả đúng là ưu thế lớn nhất mà không một nước nào trong ASEAN có thể có được.

Mọi người đều biết, Hồng Kông sở dĩ có được ưu thế phát triển mạnh mẽ là do nằm giữa “điểm huyết” của Trung Quốc vươn ra thế giới bên ngoài, trở thành cây cầu nối Trung Quốc với thế giới bên ngoài. Vị trí của Việt Nam, rõ ràng có nhiều điểm tương tự với Hồng Kông. Do phía Bắc Việt Nam tiếp nhận một lượng lớn hàng của Trung Quốc, sau đó chuyển về tiêu thụ tại phía Nam và Đông Nam Á, còn ở phía Nam, Việt Nam có thể tiếp nhận nguyên liệu thô của các nước Đông Nam Á, sau đó chuyển lên phía Bắc và bán sang Trung Quốc. Như vậy chiều đi cũng có mà chiều về cũng có, lợi nhuận thu được với vai trò là trung gian bao giờ cũng rất lớn.

4. Tiềm lực kinh tế của Trung Quốc và Việt Nam ngày càng lớn, đặc biệt là Trung Quốc, đủ sức tham gia các dự án quốc tế lớn khai thác và phát triển kinh tế biển ở Vịnh Bắc Bộ và Biển Đông

Với hơn 1,3 tỷ người, Trung Quốc chiếm ngôi vị hàng đầu thế giới về tổng dân số. Không chỉ có vậy, Trung Quốc đã và đang khẳng định là cường quốc kinh tế của thế giới. Từ năm 2005, cả hành

ting phải kính nể khi Trung Quốc trở thành nền kinh tế thứ 4 của thế giới, đứng sau Mỹ, Nhật Bản và Đức. Không phải ngẫu nhiên mà có được kết quả vĩ đại như thế. Cả một chặng đường hơn 25 năm liên tục từ thế kỷ XX vắt qua thế kỷ XXI, tổng sản phẩm trong nước (GDP) không ngừng tăng trưởng. Cả thế giới, trong gần 30 năm vừa qua, chỉ có duy nhất Trung Quốc đạt được thành tựu đó.

Tổng giá trị sản phẩm trong nước (GDP) năm 2005 đạt 2.225 tỷ USD, đứng thứ tư thế giới. Xuất khẩu đứng thứ ba thế giới, dự trữ ngoại tệ đứng thứ nhất thế giới, đạt 1.000 tỷ USD. Mức tăng trưởng cao (khoảng 9 - 10%/năm) trong những năm gần đây được đánh giá là bền vững và nhanh nhất trong lịch sử kinh tế thế giới trong 50 năm qua. Từ năm 2001 đến 2005, trong điều kiện giá cả thị trường tương đối ổn định, thu nhập bình quân đầu người tính theo GDP tăng từ 1.038 USD/năm lên 1.700 USD/năm. Tại các thành phố lớn, mức tích lũy và thu nhập ròng bình quân hàng năm của cư dân thành thị tăng từ khoảng 720 USD và 860 USD lên 1.350 USD và 1.312 USD. Mức phổ cập tin học tăng từ 13,3% đến 41,5%, tỷ lệ hộ gia đình có ô tô riêng tăng từ 0,6% đến 3,4%.

Hoạt động xuất nhập khẩu là một trong những sân chơi thể hiện vị thế nổi trội của Trung Quốc trên thương trường quốc tế. Tổng kim ngạch xuất khẩu hiện thời của Trung Quốc đứng thứ 3 thế giới, sau Đức và Mỹ. Các khu vực và hầu hết các nước trên thế giới đều hiện diện sản phẩm mang nhãn Made in China. Thậm

chí không ít quốc gia đã và đang thua trên sân nhà bởi nguồn hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Chỉ sau 5 năm, kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc tăng hơn 3 lần. Dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đã vươn lên đứng đầu thế giới với 1.000 tỷ USD. Riêng năm 2005 thặng dư thương mại đạt xấp xỉ 102 tỷ USD, tăng gần 3 lần so với trước đó 1 năm.

Trung Quốc là hiện thân của khối lượng người tiêu dùng lớn nhất thế giới, của một nguồn lao động rẻ và bất tận, của một quốc gia đang ào ạt ngày này qua ngày nọ chinh phục tất cả trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, công nghệ sinh học, công nghệ điện tử và không gian.

Dù có quan niệm đó là một thách thức, hay là một thời cơ, ngày nay chẳng có quốc gia nào trên thế giới có thể tự cho phép mình bỏ qua sự hiện hữu của Trung Quốc và tìm cách phát triển quan hệ với Trung Quốc.

Theo dự đoán của Ngân hàng Goldman Sachs của Mỹ thì trong vòng 30 năm tới nền kinh tế Trung Quốc sẽ lớn gấp 3 lần nền kinh tế Mỹ.

Báo "The Economist" ước tính là trong vòng nửa thế kỷ tới, phát triển kinh tế của Trung Quốc đóng góp vào nền kinh tế toàn cầu một lượng của cải vật chất ở mức độ tương đương với khám phá ra thêm 4 châu Mỹ mới.

Các chỉ số thống kê kinh tế và những sự kiện chính trị trong những năm gần đây cho phép người ta có thể đánh giá là

thế kỷ XXI vừa mới bắt đầu sẽ là “Thế kỷ Trung Quốc”, cũng như trong quá khứ, thế kỷ XX là “Thế kỷ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ”, và trước đó, thế kỷ XIX là thế kỷ của “Vương quốc Anh”.

Kinh tế tăng trưởng liên tục đưa đất nước Trung Quốc trở thành thị trường lớn của thế giới, mang lại nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư và trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thế giới.

Việt Nam cũng đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế xã hội to lớn. Kinh tế tăng trưởng cao trong nhiều năm (đứng thứ 2 sau Trung Quốc) và sẽ thoát ra khỏi nhóm nước đang phát triển thu nhập thấp vào năm 2010 để trở thành nước đang phát triển thu nhập trung bình. Thế và lực của Việt Nam đã được nâng cao một bước đáng kể.

Báo cáo Phát triển Con người năm 2006 Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) xếp Việt Nam thứ 109 trong tổng số 177 quốc gia về chỉ số Phát triển Con người (HDI). Chỉ số này được tính dựa trên các tiêu chí liên quan tuổi thọ, thành tựu giáo dục và thu nhập. Trong топ 10 nước đứng đầu về chỉ số HDI năm nay, xếp thứ nhất là Na Uy, tiếp theo là Ai-xơ-len, Ô-xtrây-li-a, Ailen, Thụy Điển, Canada, Nhật Bản, Thụy Sĩ và Hà Lan. Vương quốc Anh xếp thứ 18.

Tính về tuổi thọ, tuổi thọ bình quân của người Việt Nam tăng từ 68,6 năm 2003 lên 69 năm 2004; 70,5 năm 2005 và 70,8 năm 2006. GDP tính theo đầu người ở Việt Nam tăng từ 2.490 USD năm 2005

lên thành 2.745 USD năm 2006 tính theo tỷ giá sức mua tương đương (PPP). Chỉ số HDI của Việt Nam đạt mức trung bình cùng với Trung Quốc (xếp thứ 81) và Nga (xếp thứ 65).

II. TRIỂN VỌNG TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

1. Mở rộng hợp tác kinh tế Trung Quốc - Việt Nam và Trung Quốc - ASEAN

Khu vực Vịnh Bắc Bộ gồm có nhiều cảng tốt ở phía Bắc Việt Nam, Quảng Tây, Quảng Đông và đảo Hải Nam Trung Quốc. Tuy vùng Vịnh này có vị trí địa lý đặc biệt và nguồn tài nguyên tự nhiên phong phú, nhưng lâu nay luôn đóng “vai phụ” trong trao đổi thương mại và thu hút đầu tư trong hợp tác kinh tế giữa Trung Quốc và ASEAN.

Trong những tính toán về trao đổi hợp tác với ASEAN trước kia, người ta thường quan tâm tới hợp tác đường bộ mà xem nhẹ lực thúc đẩy của kinh tế biển đối với hợp tác khu vực. Mô hình hợp tác giữa Trung Quốc và ASEAN cần từ nội địa hướng ra biển, cần đẩy mạnh phát triển kinh tế theo mô hình gần biển dựa vào vận chuyển đường biển và nguồn tài nguyên toàn cầu. Hợp tác kinh tế khu vực vịnh đai Vịnh Bắc Bộ theo hướng công nghiệp mô hình gần biển vừa có thể sử dụng triệt để nguồn tài nguyên chất lượng tốt nhất, giá cả rẻ nhất trên toàn thế giới, vừa có thể sử dụng khéo léo vận chuyển đường biển phí tổn thấp để tăng thêm khả năng cạnh tranh, từ đó

mang lại nhiều của cải và cơ hội việc làm cho khu vực này.

Định hướng mô hình hợp tác giữa Trung Quốc và ASEAN chuyển từ “kinh tế theo mô hình cầu đường” sang “kinh tế mô hình biển”, sẽ có lợi cho việc cùng thu hút và sử dụng hợp lý nguồn vốn quốc tế và nguồn tài nguyên bên ngoài, thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại quốc tế ở mức độ cao hơn, đi vào chiều sâu hơn.

2. Đáp ứng nhu cầu phát triển và lợi ích của hai nước Trung Quốc - Việt Nam

Nhu cầu chưa từng có đối với các tài nguyên hiện đang định hướng chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Nền kinh tế trong nước bùng nổ, tốc độ đô thị hoá nhanh, gia công xuất khẩu tăng và sự tiêu thụ mạnh mẽ của người dân Trung Quốc đối với ô tô đang làm gia tăng nhu cầu của nước này đối với dầu lửa và khí đốt, nguyên vật liệu công nghiệp và xây dựng, vốn nước ngoài và công nghệ. Cách đây 20 năm, Trung Quốc là nước xuất khẩu dầu lửa lớn nhất của Đông Á. Giờ đây, Trung Quốc là nước nhập khẩu dầu lửa lớn thứ hai của thế giới; năm 2004, chỉ riêng nước này đã chiếm 31% sự gia tăng trên toàn cầu về nhu cầu dầu lửa. Giờ đây Trung Quốc là công xưởng của thế giới, đòi hỏi của nước này đối với điện và các tài nguyên công nghiệp tăng mạnh. Phần của Trung Quốc trong tiêu thụ của thế giới về nhôm, đồng, niken và quặng sắt cộng lại đã tăng hơn gấp đôi chỉ trong vòng 10 năm, từ 7% năm 1990 lên 15% năm 2000; giờ đây con số này đạt

tới gần 20% và có khả năng lại tăng gấp đôi vào cuối thập niên.

Việc Trung Quốc săn tìm các tài nguyên là điều có lợi đối với một số nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, bởi nó cho phép họ khai thác các nguồn tài nguyên cho tới nay vẫn chưa được khai thác hay giành được lực đòn bẩy để thương lượng những thoả thuận tốt đẹp hơn với các khách hàng truyền thống.

Khai thác tài nguyên Vịnh Bắc Bộ và Biển Đông sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu của Trung Quốc và các nhu cầu cho phát triển của Việt Nam cũng như các quốc gia trong khu vực.

3. Tạo điều kiện để mở rộng ra vành đai kinh tế Biển Đông

Vành đai kinh tế Biển Đông sẽ gồm các nền kinh tế xung quanh Biển Đông (Trung Quốc gọi là biển Nam Trung Hoa), chủ yếu là các tỉnh phía Nam Trung Quốc, Đặc khu Hải Nam, Hồng Kông, các nước Đông Nam Á xung quanh Biển Đông (Việt Nam, Philipin, Brunây, Malayxia, Indônêxia, Xingapo).

Dựa theo tinh thần bình đẳng cùng có lợi, chủ trương triển khai hợp tác có hiệu quả trên nhiều mặt như đánh giá và khai thác nguồn tài nguyên Biển Đông, bảo vệ môi trường khu vực Biển Đông, bảo đảm an toàn vận tải và đi lại trên Biển Đông, khảo sát và nghiên cứu khoa học tại khu vực Biển Đông sẽ tranh thủ được nguồn tài nguyên Biển Đông tạo ra sự giàu có lớn nhất cho nhân loại, sử dụng nguồn tài nguyên này có lợi cho

việc xây dựng kinh tế các nước Đông Á, từ đó góp phần thực hiện cùng phần vinh, cùng phát triển. Đây vừa là nhu cầu để Trung Quốc tập trung phát triển kinh tế, vừa là nhu cầu để các nước ASEAN chấn hưng đất nước.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP HIỆN THỰC HOÁ DỰ ÁN

1. Hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ cấu tổ chức quản lý điều hành dự án, các ban hợp tác chuyên ngành và tư vấn hỗn hợp hai quốc gia.

Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp định về phát triển sâu rộng quan hệ hợp tác kinh tế thương mại, Bản ghi nhớ về triển khai hợp tác “Hai hành lang, một vành đai kinh tế”, Thoả thuận khung về hợp tác nguồn vốn đầu tư các dự án thuộc “Hai hành lang, một vành đai kinh tế”.

Tuy nhiên, cần tiếp tục cụ thể hoá bằng nhiều văn bản pháp quy hợp tác giữa các ngành, các lĩnh vực, các dự án cụ thể và các quy chế, quy định vận hành các chương trình mục tiêu, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hai nước và bên thứ ba đầu tư vào “Hai hành lang, một vành đai kinh tế”.

2. Tăng cường hợp tác về xây dựng cửa khẩu, các hải cảng và các tuyến đường thông thương.

3. Trung Quốc và Việt Nam cần dành một khoản vốn đầu tư của Nhà nước vào các dự án thuộc “hai hành lang, một vành đai kinh tế”, tạo cú hích ban đầu. Trung Quốc cần tăng cường viện trợ ODA cho Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, điều tra cơ bản tài nguyên Vịnh Bắc Bộ và Biển Đông.

4. Có cơ chế khuyến khích khu vực tư nhân hai nước và FDI từ các nước thứ 3 vào các dự án sản xuất kinh doanh thuộc “Hai hành lang, một vành đai kinh tế”.

5. Chuẩn bị các điều kiện để gắn kết “Hai hành lang, một vành đai kinh tế” Vịnh Bắc Bộ với hành lang Đông - Tây (Việt Nam - Lào - Campuchia - Thái Lan - Mianma) và vành đai kinh tế Biển Đông trong tương lai, hình thành chiến lược một trục hai cánh (trục Nam Ninh - Xingapo, vành đai đất liền Tiểu vùng Mê Kông và vành đai Biển Đông).

6. Thực hiện ngay một số dự án chuyên ngành có điều kiện và có triển vọng như các tuyến du lịch biển vùng quanh Vịnh Bắc Bộ (các tỉnh duyên hải Việt Nam với đảo Hải Nam, Hồng Kông, Bắc Hải...).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Hợp tác phát triển hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và vai trò của Lào Cai”, Lào Cai, tháng 11 - 2005.

2. Cổ Tiểu Tùng: Ý tưởng về “xây dựng hai hành lang và một vành đai kinh tế”, Tạp chí Thương mại, số 36, tháng 9 - 2005.

3. Ban thư ký ASEAN: *Xây dựng quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn giữa ASEAN - Trung Quốc trong thế kỷ XXI*, tháng 10 - 2001.

4. Vũ Khoan: *Đổi mới về đối ngoại. Tạp chí Cộng sản*, số 10, tháng 8 - 2005.

5. Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Việt Nam - Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai”. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội, 2005.